TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST Ngày 27 tháng 7 năm 2023 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2. Ông Nguyễn Văn Bào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124 /2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Anh Âu Văn H, sinh năm 1982. Cư trú: Thôn CL, xã MĐ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1997. HKTT: Thôn CL, xã MĐ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Chỗ ở: Ấp AP, xã ALT, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là anh Âu Văn H trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H1 ngày 28/11/2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã MĐ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh đi làm xa nên việc đi lại khó khăn do dịch bệnh, kinh tế gia đình gặp khó khăn.

Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 10/2021, chị H1 chuyển ra ngoài ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Âu Việt C, sinh ngày 29/12/2014 và Âu Việt Q, sinh ngày 26/10/2018. Cả hai con hiện đang ở cùng anh. Vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Âu Việt C, còn cháu Âu Việt Q do chị H1 nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm nghề tự do, thu nhập ổn định khoảng 27.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị H1 tự thỏa thuận, không yêu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc nên anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án vắng mặt anh.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc H1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Chị kết hôn với anh Âu Văn H ngày 28/11/2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã MĐ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2021. Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hay cãi vã về tài chính. Vợ chồng có nói chuyện với nhau nhưng không thỏa thuận được. Vợ chồng đã không ở cùng với nhau được hơn một năm. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Âu Việt C, sinh ngày 29/12/2014 và Âu Việt Q, sinh ngày 26/10/2018. Vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Âu Việt Q, còn cháu Âu Việt C do anh H nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh H tự thỏa thuận với nhau.

Do ở xa nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ hôn nhân: Anh Âu Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc H1.

2, Về con chung: Giao cháu Âu Việt C, sinh ngày 29/12/2014 cho anh Âu Văn H nuôi dưỡng; giao cháu Âu Việt Q, sinh ngày 26/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H1 nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết do đương sự không yêu cầu.

3, Về án phí: Anh Âu Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

4, Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Âu Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc H1. Chị H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã MĐ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc có mặt các đương sự tại phiên tòa: Anh H và chị H1 đều đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt đối với anh H và chị H1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Âu Văn H và chị Nguyễn Thị Ngọc H1 kết hôn ngày 28/11/2016. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã MĐ, huyện hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của anh H và chị H1 thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng hiện không còn chung sống với nhau. Anh H yêu cầu ly hôn, chị H1 đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh Âu Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc H1 (theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình).

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Âu Việt C, sinh ngày 29/12/2014 và Âu Việt Q, sinh ngày 26/10/2018. Vợ chồng ly hôn, anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Âu Việt C, chị H1 yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Âu Việt Q. Cháu Âu Việt C có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường nên cần giao con chung là cháu Âu Việt C, sinh ngày 29/12/2014 cho anh Âu Văn H nuôi dưỡng và giao cháu Âu Việt Q, sinh ngày 26/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H1 nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ hôn nhân: Anh Âu Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc H1.

2, Về con chung: Giao cháu Âu Việt C, sinh ngày 29/12/2014 cho anh Âu Văn H nuôi dưỡng và giao cháu Âu Việt Q, sinh ngày 26/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H1 nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó hiện quyền này.

3, Về án phí: Anh Âu Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST không có giá ngạch nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002649 ngày 19/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh H đã nộp đủ án phí DSST.

4, Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã MĐ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Chuyền

Đã ký